

GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO BÁN NIÊN 2024 SO VỚI CÙNG KỶ

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
Tên tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION
Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 5416 1386
Website: www.asiagroup-vn.com
Người thực hiện CBTT: Ông Phạm Trung Lâm
Chức danh: Người đại diện theo pháp luật
Loại thông tin công bố:
 Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu



Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/08/2024, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) nộp Báo cáo tài chính riêng Bán niên 2024 chưa được kiểm toán (“Báo cáo”) ký ngày 28/08/2024. Biến động một số chỉ tiêu khiến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của 06 tháng 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với 06 tháng 2023 là như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023	% Tăng/(Giảm)
10	3. Doanh thu thuần	10.228.831.696	-	100%
11	4. Giá vốn hàng bán	(5.376.780.109)	-	100%
20	5. Lợi nhuận gộp	4.852.051.587	-	100%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	232.595.156.506	77.272.519.897	201,01%
22	7. Chi phí tài chính	(4.836.260.274)	-	100%
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.396.813.614)	(12.511.807.017)	63%
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	212.214.134.205	64.760.712.880	228%
31	12. Thu nhập khác	20.664	-	100,00%
32	13. Chi phí khác	(20.003.340)	(108.528.491)	-81,57%
40	14. Lợi nhuận khác	(19.982.676)	(108.528.491)	-82%

Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023	% Tăng/(Giảm)
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	212.194.151.529	64.652.184.389	228,21%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	212.194.151.529	64.652.184.389	228,21%

Một số nguyên nhân:

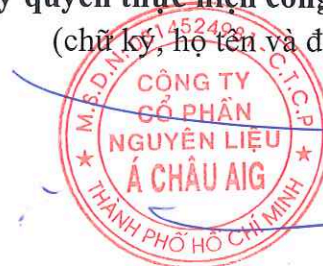
- Mã số 20: Tại ngày 29/12/2023, công ty nhận chuyển nhượng Tòa nhà AIG từ công ty thành viên, vì vậy bắt đầu từ tháng 1/2024, Công ty có phát sinh doanh thu cho thuê tòa nhà và chi phí vận hành.
- Mã số 21: Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 201,1% so với cùng kỳ. Chủ yếu là do nhận cổ tức từ các công ty thành viên.
- Mã số 22: Công ty phát sinh lãi vay từ các công ty thành viên cho hoạt động đầu tư.
- Mã số 26: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 63% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong kỳ công ty thực hiện tái cơ cấu quản lý và phát sinh thêm các chi phí vận hành tòa nhà AIG.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin

(chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Trung Lâm



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Bà Lương	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Bà Lương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trung Lâm	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

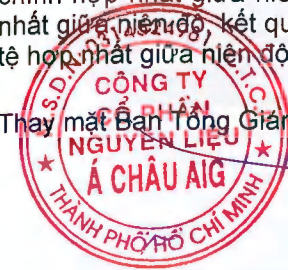
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 0012117582/E-67735934-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

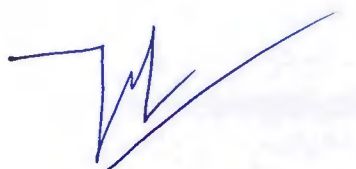
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		346.417.755.975	204.607.219.117
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.745.248.527	30.500.208.297
111	1. Tiền		39.745.248.527	1.001.183.244
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	29.499.025.053
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		279.782.937.152	160.890.338.455
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20	116.620.351	11.917.859.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.713.941	57.221.603.730
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	279.663.602.860	91.750.875.190
140	III. Hàng tồn kho		15.382.669	-
141	1. Hàng tồn kho		15.382.669	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		24.874.187.627	13.216.672.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	799.697.103	535.305.732
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		24.067.850.524	12.674.726.633
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.155.887.329.703	2.609.498.188.604
210	I. Phải thu dài hạn		28.000.000	28.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	28.000.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.712.354.556	1.413.999.642
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	2.257.142.891	929.831.311
222	Nguyên giá		3.585.439.545	1.987.404.545
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.328.296.654)	(1.057.573.234)
227	2. Tài sản cố định vô hình		455.211.665	484.168.331
228	Nguyên giá		505.800.000	505.800.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.588.335)	(21.631.669)
230	III. Bất động sản đầu tư	8	107.379.615.418	110.000.000.000
231	1. Nguyên giá		110.500.000.000	110.000.000.000
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(3.120.384.582)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.160.129.018	344.166.667
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.160.129.018	344.166.667
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	9	2.907.252.355.903	2.475.933.817.844
251	1. Đầu tư vào các công ty con		2.710.500.344.316	2.481.118.024.316
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		201.936.218.059	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.184.206.472)	(5.184.206.472)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		137.354.874.808	21.778.204.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	137.354.874.808	21.778.204.451
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.502.305.085.678	2.814.105.407.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

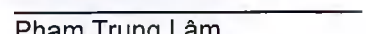
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		632.085.851.348	156.080.324.920
310	I. Nợ ngắn hạn		632.085.851.348	156.080.324.920
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.049.692.387	137.999.642.031
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	811.462.993	410.145.347
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	6.116.346.762	3.554.085.747
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		1.055.050	16.157.639
320	6. Vay ngắn hạn	14	610.000.000.000	-
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	14.100.294.156	14.100.294.156
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.870.219.234.330	2.658.025.082.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	2.870.219.234.330	2.658.025.082.801
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		990.206.254.330	778.012.102.801
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		778.012.102.801	668.497.766.697
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		212.194.151.529	109.514.336.104
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.502.305.085.678	2.814.105.407.721


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



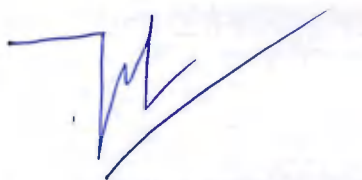

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	16.1	10.228.831.696	-
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	17	(5.376.780.109)	-
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		4.852.051.587	-
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	232.595.156.506	77.272.519.897
22	5. Chi phí tài chính		(4.836.260.274)	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.836.260.274)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(20.396.813.614)	(12.511.807.017)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		212.214.134.205	64.760.712.880
31	8. Thu nhập khác		20.664	-
32	9. Chi phí khác		(20.003.340)	(108.528.491)
40	10. Lỗ khác		(19.982.676)	(108.528.491)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		212.194.151.529	64.652.184.389
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		212.194.151.529	64.652.164.389



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		212.194.151.529	64.652.184.389
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		3.420.064.668	167.586.744
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(232.595.156.506)	(77.272.519.897)
06	Chi phí lãi vay		4.836.260.274	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.144.680.035)	(12.452.748.764)
09	Giảm các khoản phải thu		27.600.431.410	16.869.776.254
10	Tăng hàng tồn kho		(15.382.669)	-
11	Giảm các khoản phải trả		(139.137.498.199)	(1.974.402.699)
12	Tăng chi phí trả trước		(115.841.061.728)	(3.204.492.465)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(239.538.191.221)	(761.867.674)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.882.632.998)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(561.043.138.059)	(54.700.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		130.000.000.000	-
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		74.709.002.508	34.252.860.846
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(359.216.768.549)	(20.447.139.154)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	14	620.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	14	(10.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		610.000.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		11.245.040.230	(21.209.006.828)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		30.500.208.297	32.516.987.075
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	41.745.248.527	11.307.980.247



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 48 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 43).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các Công ty con bao gồm:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (“ACC”)**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (“ACP”)**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần APIS ("APIS")***

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")***

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 67,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")***

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")***

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")**

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 93,89% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong MDG.

▶ **Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")**

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty liên doanh:

▶ **Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")**

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 30% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

Công ty liên kết:

▶ **Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")**

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 28,07% phần vốn chủ sở hữu trong GCF.

▶ **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")**

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 40,55% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40,55% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 9*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	59.298.455	16.576.000
Tiền gửi ngân hàng	39.685.950.072	984.607.244
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	29.499.025.053
TỔNG CỘNG	41.745.248.527	30.500.208.297

(*) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất bình quân 2,8%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	-	57.154.416.040
Khác	2.713.941	67.187.690
TỔNG CỘNG	2.713.941	57.221.603.730

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	279.663.602.860	91.750.875.190
Phải thu cổ tức	221.514.324.000	63.600.196.000
Tạm ứng cho nhân viên	5.864.465.762	3.034.549.000
Đặt cọc	387.085.286	23.400.766.416
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	1.994.521	29.968.523
Khác	51.895.733.291	1.685.395.251
Dài hạn	28.000.000	28.000.000
Đặt cọc	28.000.000	28.000.000
TỔNG CỘNG	279.691.602.860	91.778.875.190

Trong đó:

 Phải thu các bên liên quan

 (Thuyết minh số 20)

 Phải thu bên khác

221.514.324.000

58.177.278.860

63.600.196.000

28.178.679.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	1.901.040.909	86.363.636	1.987.404.545
Mua trong kỳ	1.598.035.000	-	-	1.598.035.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636	3.585.439.545
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(1.056.133.840)	(1.439.394)	(1.057.573.234)
Khấu hao trong kỳ	(103.666.980)	(158.420.076)	(8.636.364)	(270.723.420)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(103.666.980)	(1.214.553.916)	(10.075.758)	(1.328.296.654)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	844.907.069	84.924.242	929.831.311
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.494.368.020	686.486.993	76.287.878	2.257.142.891

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	110.000.000.000
Mua trong kỳ	500.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	110.500.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Hao mòn trong kỳ	(3.120.384.582)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(3.120.384.582)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	110.000.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	107.379.615.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.1)	2.710.500.344.316	2.481.118.024.316
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 9.2)	<u>201.936.218.059</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	2.912.436.562.375	2.481.118.024.316
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(5.184.206.472)</u>	<u>(5.184.206.472)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>2.907.252.355.903</u>	<u>2.475.933.817.844</u>



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND	% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (i)	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	228.931.320.000	99,98	358.899.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	324.513.000.000	73,42	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sơn (ii)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	99,995	450.205.902.488	67,00	211.205.902.488
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Đang hoạt động	100,00	37.900.000.000	100,00	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	99,50	199.000.000.000	99,50	199.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet (iii)	Chế biến và bảo quản rau quả	Chưa hoạt động	93,89	83.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (iv)	Sản xuất hương liệu	Chưa hoạt động	83,00	37.350.000.000	-	-
TỔNG CỘNG				2.710.500.344.316		2.481.118.024.316
Dự phòng đầu tư vào các công ty con				(5.184.206.472)		(5.184.206.472)
GIÁ TRỊ THUẬN				2.705.316.137.844		2.475.933.817.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận lại khoản tiền góp vốn vào công ty Cổ phần Thương mại VICTA với giá trị là 129.967.680.000 VND theo Quyết định số 02/2024/QĐ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA.
- (ii) Vào ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.194.000 cổ phần của AHS, tương ứng 33% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 239.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 8 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong AHS tăng từ 66,995% lên 99,995%.
- (iii) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet với tổng giá trị là 83.000.000.000 VND trên tổng số vốn cam kết 264.600.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/QĐ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty nắm giữ 93,89% vốn điều lệ và quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet.
- (iv) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients với tổng giá trị là 37.350.000.000 VND trên tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 2 năm 2024. Theo đó, Công ty nắm giữ 83,00% vốn điều lệ và quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients.

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(3.572.543.591)	(3.572.543.591)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	(1.611.662.881)	(1.611.662.881)
TỔNG CỘNG	(5.184.206.472)	(5.184.206.472)

9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	28,07	<u>201.936.218.059</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	799.697.103	535.305.732
Phần mềm	277.240.800	466.204.800
Phí bảo hiểm	175.827.966	13.747.481
Công cụ, dụng cụ	13.480.857	1.878.787
Khác	333.147.480	53.474.664
Dài hạn	137.354.874.808	21.778.204.451
Tiền thuê đất	128.874.531.090	15.000.000.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.851.050.335	3.714.568.733
Công cụ, dụng cụ	789.181.012	379.740.359
Khác	3.840.112.371	2.683.895.359
TỔNG CỘNG	138.154.571.911	22.313.510.183

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho người bán	1.045.012.186	499.642.031
Công ty TNHH CBRE (Việt Nam)	391.587.761	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	275.400.000	-
Công ty TNHH Manpower Vietnam	120.751.330	-
Công ty TNHH Noventiq Việt Nam	-	466.204.800
Khác	257.273.095	33.437.231
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	4.680.201	137.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.049.692.387	137.999.642.031

12. THUẾ

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	403.745.347	2.254.138.499	(1.852.820.853)	805.062.993
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế khác	-	500.000.000	(500.000.000)	-
TỔNG CỘNG	403.505.347	2.758.138.499	(2.356.820.853)	804,822,993
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	410.145.347			811.462.993
Thuế nộp thừa	6.640.000			6.640.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	3.060.917.808	-
Lãi vay từ cá nhân	1.775.342.466	-
Lương tháng 13 và thưởng	928.792.501	3.361.798.500
Khác	351.293.987	192.287.247
TỔNG CỘNG	<u>6.116.346.762</u>	<u>3.554.085.747</u>

14. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay từ các bên liên quan (*)	-	520.000.000.000	(10.000.000.000)	510.000.000.000
Vay từ cá nhân (**)	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	<u>620.000.000.000</u>	<u>(10.000.000.000)</u>	<u>610.000.000.000</u>

(*) Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động như sau: (Thuyết minh số 20)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm.
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	165.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2024	4,1 - 4,6
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	150.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 5 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	6,0
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	100.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025	5,8
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	80.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025	5,8
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	15.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 04 năm 2024 đến ngày 25 tháng 7 năm 2024	3,2
TỔNG CỘNG	<u>510.000.000.000</u>		

(**) Chi tiết khoản vay tín chấp ngắn hạn từ cá nhân để bổ sung vốn lưu động như sau:

Tên cá nhân	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm.
Ông Lê Nguyễn Đoàn Duy	<u>100.000.000.000</u>	Từ ngày 2 tháng 5 năm 2024 đến ngày 2 tháng 5 năm 2025	10,8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.706.012.980.000	174.000.000.000	668.497.766.697	2.548.510.746.697
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	64.652.184.389	64.652.184.389
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>733.149.951.086</u>	<u>2.613.162.931.086</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	212.194.151.529	212.194.151.529
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>990.206.254.330</u>	<u>2.870.219.234.330</u>

15.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ và cuối kỳ	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>

15.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ tiện ích	<u>10.228.831.696</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	10.153.377.148	-
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	75.454.548	-

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
Thu nhập từ cổ tức	232.511.590.000	76.332.896.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>83.566.506</u>	<u>939.623.897</u>
TỔNG CỘNG	<u>232.595.156.506</u>	<u>77.272.519.897</u>

17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.655.408.666	-
Chi phí khác	<u>2.721.371.443</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.376.780.109</u>	<u>-</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
Chi phí nhân viên	11.554.396.371	7.230.943.667
Chi phí thuê	1.148.280.078	1.174.592.514
Chi phí khấu hao và hao mòn	764.656.002	167.586.744
Khác	<u>6.929.481.163</u>	<u>3.938.684.092</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.396.813.614</u>	<u>12.511.807.017</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	212.194.151.529	64.652.184.389
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	42.438.830.306	12.930.436.878
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(46.502.318.000)	(15.266.579.200)
Chi phí không được trừ	80.474.891	55.905.153
Lỗi thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	3.983.012.803	2.280.237.169
Chi phí thuế TNDN	-	-

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

19.3 Lỗi chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗi thuế lũy kế với tổng giá trị là 62.556.989.056 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 42.641.925.041 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi thuế	VND	
			Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chưa chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
2019	2024	37.869.984.009	(14.555.502.539)	-
2020	2025	1.634.599.571	-	-
2023	2028	17.692.844.000	-	-
2024	2029	19.915.064.015	-	-
TỔNG CỘNG		77.112.491.595 (*)	(14.555.502.539)	-
				62.556.989.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.3 Lỗi chuyển sang năm sau (tiếp theo)

(*) Lỗi thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗi thuế chuyển sang năm sau với số tiền 62.556.989.056 VND nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")	Công ty con
Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")	Công ty con
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bà Lương	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc từ ngày 31 tháng 7 năm 2024
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 2 năm 2024; Phó Tổng Giám đốc từ ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Việt Hùng	Cố đồng, Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") tại công ty con đến ngày 1 tháng 7 năm 2024
Ông Phan Duy Hiếu	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán	VND
		sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
ACC	Cổ tức được chia	166.437.124.000	71.330.196.000
	Nhận vay	150.000.000.000	-
	Cổ tức thực nhận	36.330.196.000	33.218.562.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.875.901.462	-
	Lãi vay	468.493.151	-
APIS	Cổ tức được chia	5.002.700.000	5.002.700.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.580.794.184	-
	Mua hàng	37.691.104	9.836.380
VICTA	Thu hồi vốn góp	129.967.680.000	-
	Nhận vay	100.000.000.000	-
	Cổ tức được chia	10.997.266.000	-
	Cổ tức thực nhận	10.997.266.000	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.611.932.306	-
	Mua tài sản cố định	1.598.035.000	-
	Mua công cụ, dụng cụ	350.160.000	-
	Lãi vay	319.397.259	-
	Thuê văn phòng và dịch vụ tòa nhà khác	158.144.218	1.106.678.916
ACP	Cổ tức thực nhận	27.270.000.000	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	772.267.116	-
	Mua hàng hóa	-	4.145.452
AFI	Nhận vay	165.000.000.000	-
	Cổ tức được chia	39.175.000.000	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.312.482.080	-
	Lãi vay	1.927.657.535	-
ATC	Góp vốn	-	46.000.000.000
AHS	Cổ tức được chia	10.899.500.000	-
	Nhận vay	80.000.000.000	-
	Lãi vay	208.164.384	-
Ông Nguyễn Viết Hùng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	239.000.000.000	-
MDG	Góp vốn	83.000.000.000	-
ASI	Góp vốn	37.350.000.000	-
	Nhận vay	25.000.000.000	-
	Trả gốc vay	10.000.000.000	-
	Lãi vay	137.205.479	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Ông Phan Duy Hiếu	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	8.700.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

ACC	Cung cấp dịch vụ	74.856.414	-
VICTA	Cung cấp dịch vụ	20.481.288	-
APIS	Cung cấp dịch vụ	14.786.241	-
AFI	Cung cấp dịch vụ	3.691.788	6.818.767.645
ACP	Cung cấp dịch vụ	2.804.620	5.099.091.890
		<u>116.620.351</u>	<u>11.917.859.535</u>

Phải thu khác ngắn hạn

ACC	Cổ tức được chia	166.437.124.000	36.330.196.000
AFI	Cổ tức được chia	39.175.000.000	-
AHS	Cổ tức được chia	10.899.500.000	-
APIS	Cổ tức được chia	5.002.700.000	-
ACP	Cổ tức được chia	-	27.270.000.000
		<u>221.514.324.000</u>	<u>63.500.196.000</u>

Phải trả người bán ngắn hạn

APIS	Mua hàng hoá	4.680.201	-
VICTA	Mua tài sản	-	137.500.000.000
		<u>4.680.201</u>	<u>137.500.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí phải trả ngắn hạn			
AFI	Lãi vay	1.927.657.535	-
ACC	Lãi vay	468.493.151	-
VICTA	Lãi vay	319.397.259	-
AHS	Lãi vay	208.164.384	-
ASI	Lãi vay	137.205.479	-
		3.060.917.808	-
Vay ngắn hạn			
AFI	Nhận vay	165.000.000.000	-
ACC	Nhận vay	150.000.000.000	-
VICTA	Nhận vay	100.000.000.000	-
AHS	Nhận vay	80.000.000.000	-
ASI	Nhận vay	15.000.000.000	-
		510.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	600.000.000	810.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	2.098.268.750	398.398.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	66.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	2.764.268.750	1.274.398.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

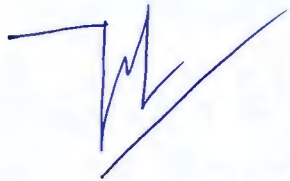
21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	53.168.642	53.168.642
Từ 1 đến 5 năm	212.674.570	212.674.570
Trên 5 năm	650.282.035	676.866.356
TỔNG CỘNG	916.125.247	942.709.568

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

